

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/HNGĐ-ST
Ngày 19 -5- 2020
“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huyền Trân
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp.
Bà Trương Ánh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Dương Phi Cát - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 125/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 256/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1980 (có mặt).
Địa chỉ: Số 35/6, LTM, khóm B, phường C, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Thanh D, sinh năm 1975 (có mặt).
Địa chỉ: Số 35/6, LTM, khóm B, phường C, thành phố C, tỉnh Cà Mau..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải ngày 19/3/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Huỳnh Thị Ngọc T trình bày: Chị và anh Huỳnh Thanh D sống chung vào năm 2000, có tổ chức cưới gả theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh D thường xuyên đi sớm về khuya, thường xuyên nhậu nhẹt về nhà đánh đập, chửi mắng chị nhiều lần. Chính quyền địa phương đã nhiều lần hòa giải nhưng anh D vẫn không sửa đổi. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh D và không thể tiếp tục chung sống với anh D được nữa, Hiện nay chị và anh D đã ly thân khoảng 06 tháng nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Thanh D.

Về con chung: Chị Huỳnh Thị Ngọc T xác định có 02 người con chung tên Huỳnh Thị Bảo Tr, sinh ngày 08/12/2002; Huỳnh Thị Bảo N, sinh ngày 22/02/2010, hiện các con đang sống chung với chị và anh D. Khi ly hôn chị yêu

cầu được tiếp tục nuôi cả hai người con, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (2.000.000 đồng/01 người con/tháng).

Về tài sản chung: Chị T xác định có 01 căn nhà ngang 04m, dài 18m tọa lạc tại khóm 4, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được cất trên phần đất của ông Huỳnh Văn L là cha của anh Huỳnh Thanh D cho, khi cho có làm tờ trình cho con ra riêng tên Huỳnh Văn L đề ngày 27/12/2006 và đơn xin xác nhận nhà đất đề ngày 27/12/2006. Căn nhà và tài sản trong nhà trị giá 100.000.000 đồng, phần đất có giá trị là 100.000.000 đồng. khi ly hôn chị T yêu cầu được chia giá trị căn nhà, tài sản trong nhà và giá trị đất chị nhận 80.000.000 đồng. Ngoài ra hai vợ chồng còn có 01 chiếc xe hiệu Future Neo (trung quốc) biển số 69N1-2862 hiện anh D đang quản lý, sử dụng; 01 chiếc xe hiệu Wave RSX biển số 76B1-095.58 hiện chị Trang đang quản lý sử dụng; 01 chiếc xe Wave anpha biển số 69N1-6447 hiện Huỳnh Thị Bảo Trân đang quản lý sử dụng. Khi ly hôn chị yêu cầu được nhận xe Wave RSX biển số 76B1-095.58, giao xe Future Neo (Trung Quốc) biển số 69N1-2862 cho anh D tiếp tục quản lý sử dụng. Đối với xe Wave anpha biển số 69N1-6447 chị không yêu cầu chia.

Về nợ chung: Chị T khai không có nợ ai và cũng không ai nợ lại anh, chị.

- *Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 19/3/2020 và tại phiên tòa anh Huỳnh Thanh D trình bày:* Về thời gian chung sống, vợ chồng không đăng ký kết hôn đúng như chị T trình bày. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn và đã ly thân khoảng 06 tháng. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Huỳnh Thị Ngọcj T.

Về con chung: Anh Huỳnh Thanh D xác định có 02 người con chung tên Huỳnh Thị Bảo Tr, sinh ngày 08/12/2002; Huỳnh Thị Bảo N, sinh ngày 22/02/2010, hiện các con đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả hai người con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh D yêu cầu được nuôi cháu Bảo Tr theo nguyện vọng của con và đồng ý giao cháu Bảo N cho chị T nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi cháu Bảo Tr.

Về tài sản chung: Anh D xác định trong quá trình vợ chồng chung sống ông Huỳnh Văn L là cha ruột của anh có cho vợ chồng anh mượn 01 phần đất tọa lạc tại khóm 4, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau để cất nhà ở, căn nhà có chiều ngang 4m, chiều dài 18m. Phần đất này là của cha anh không phải là tài sản chung của vợ chồng nên anh không đồng ý chia mà trả lại cho ông L. Đối với giá trị căn nhà khoảng 25.000.000 đồng, giá trị của các vật dụng trong nhà bao gồm tivi, tủ lạnh, máy giặt, bàn, ghế, bếp giá trị khoảng 15.000.000 đồng, giá trị của xe Future Neo (trung quốc) biển số 69N1-2862 hiện anh đang quản lý sử dụng là 3.000.000 đồng; giá trị của xe Wave RSX biển số 76B1-095.58 hiện chị Trang đang quản lý sử dụng là 18.000.000. Khi ly hôn anh không đồng ý chia giá trị căn nhà cho chị T vì căn nhà là tài sản riêng của anh, anh đồng ý giao toàn bộ tài sản là vật dụng trong nhà cho chị T và thống nhất không yêu cầu chia đối với xe Wave Anpha biển số 69N1-6447 mà Huỳnh Thị Bảo Tr đang quản lý sử dụng.

Về nợ chung: Anh D khai không có nợ ai và cũng không ai nợ lại anh, chị.

Tại phiên tòa chị T, anh D thống nhất giá trị của tài sản chung như sau: Trong đó căn nhà có giá trị 25.000.000 đồng; vật dụng trong nhà có giá trị 15.000.000 đồng; xe Future Neo (trung quốc) biển số 69N1-2862 có giá trị là 3.000.000 đồng; Wave RSX biển số 76B1-095.58 có giá trị là 15.000.000 đồng, không yêu cầu Tòa án tiến hành định giá tài sản.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 22/4/2020 chị Huỳnh Thị Ngọc T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung đối với phần đất của ông Huỳnh Văn L, chị thống nhất giao trả phần đất này lại cho ông L.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật, không vi phạm.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 33, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của chị Huỳnh Thị Ngọc T. Về hôn nhân không công nhận chị Trang và anh D là vợ chồng. Về con chung đề nghị giao cháu Huỳnh Thị Bảo Tr, sinh ngày 08/12/2002 cho anh Huỳnh Thanh D trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Huỳnh Thị Bảo N, sinh ngày 09/01/2010 cho chị Huỳnh Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị T. Buộc anh Huỳnh Thanh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh Thị Bảo N mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Ngọc đủ 18 tuổi. Về tài sản chung đề nghị giao tài sản chung gồm căn nhà tọa lạc tại khóm 4, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau và toàn bộ vật dụng trong nhà cho anh D quản lý sử dụng, cùng xe Future Neo (Trung quốc) biển số 69N1-2862 cho anh D tiếp tục sở hữu sử dụng. tiếp tục giao chiếc xe Wave RSX biển số 76B1-095.58 cho chị Trang sở hữu sử dụng. Anh D có nghĩa vụ hoàn lại cho chị T số tiền chênh lệch. Án phí các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó hôn nhân giữa chị T và anh D đã vi phạm pháp luật về mặt hình thức. Quá trình chung sống chị T xác định giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Về phía anh D thừa nhận hiện vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn và đã ly thân 06 tháng, hiện nay anh đồng ý ly hôn với chị T. Mặc khác, do chị Trang và anh D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn nên căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D

không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T cho chị T được ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: Chị T và anh D xác định có 02 người con chung tên Huỳnh Thị Bảo Tr, sinh ngày 08/12/2002; Huỳnh Thị Bảo N, sinh ngày 22/02/2010, hiện các con đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn cả hai đều có nguyện vọng được nuôi con, tại phiên Tòa anh D và chị T thống nhất giao cháu Bảo Tr cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con; Giao cháu Bảo N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận của chị T, anh D không trái quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu N, cháu Tr nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa chị T rút yêu cầu chia tài sản chung đối với phần đất tọa lạc tại khóm 4, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của chị Tr.

Đối với tài sản chung bao gồm 01 căn nhà cấp 04 tọa lạc tại khóm 4, phường 4, thành phố Cà Mau được cất trên đất của ông Huỳnh Văn L với diện tích ngang 4m dài 18m, 01 xe Future Neo (Trung Quốc) biển số 69N1-2862; 01 xe Wave RSX biển số 76B1-095.58 và toàn bộ vật dụng trong nhà. Anh D, chị T thống nhất đối với căn nhà có giá trị là 25.000.000 đồng, xe Future Neo (Trung Quốc) biển số 69N1-2862 có giá trị là 3.000.000 đồng; xe Wave RSX biển số 69B1-095.58 có giá trị là 18.000.000 đồng; toàn bộ vật dụng trong nhà bao gồm tủ lạnh, tivi, tủ, bàn, bếp...có giá trị là 15.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 61.000.000 đồng. Chị Trang yêu cầu được chia đôi toàn bộ số tài sản chung của vợ chồng và chị yêu cầu được nhận giá trị bằng tiền. Anh D đồng ý chia cho chị T toàn bộ vật dụng trong nhà và xe Wave RSX biển số 69B1-095.58; không đồng ý chia đôi giá trị căn nhà, anh cho rằng căn nhà này là tài sản riêng của anh vì khi cất nhà toàn bộ vật dụng là do bạn anh cho. Hội đồng xét xử thấy rằng đối với căn nhà của anh D và chị T được cất trong thời gian anh chị chung sống như vợ chồng và khi cất nhà tuy rằng chị T không có góp về mặt vật chất nhưng chị Trang cũng đã bỏ công vào bồi đắp và gìn giữ căn nhà và cùng nhau chung sống trong căn nhà này từ trước cho đến nay nên việc anh D cho rằng đây là tài sản riêng của anh là không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận chia cho chị T một phần công sức đóng góp với giá trị là 10.000.000 đồng. Đối với 02 xe máy, anh D chị T thống nhất mỗi người tiếp tục quản lý 01 chiếc mà mình đang quản lý. Do xe của chị T có giá trị cao hơn nên phần chênh lệch đối với hai xe chị T phải hoàn trả lại cho anh D cụ thể:

Anh D được nhận và tiếp tục sở hữu và sử dụng xe Future Neo (Trung Quốc) biển số 69N1-2862 có giá trị là 3.000.000 đồng. Chị T được nhận và tiếp tục sở hữu và sử dụng xe Wave RSX biển số 69B1-095.58 có giá trị là 18.000.000 đồng. Tổng hai xe có giá trị là 21.000.000 đồng. chia đôi mỗi người 10.500.000 đồng, anh D nhận xe giá 3.000.000 đồng nên chị T hoàn lại cho anh D 7.500.000 đồng.

Đối với căn nhà có giá trị là 25.000.000 đồng xét thấy căn nhà hiện đang được xây dựng trên phần đất của ông Huỳnh Văn L là cha của anh D và chị T hiện không có nhu cầu nhận các vật dụng trong nhà nên giao toàn bộ căn nhà và vật dụng trong nhà cho anh D tiếp tục quản lý sử dụng là hợp lý. Anh D có nghĩa vụ hoàn lại phần giá trị chênh lệch cho chị T. Hội đồng xét xử chia công sức đóng góp đối với căn nhà cho chị T là 10.000.000 đồng. Toàn bộ vật dụng trong nhà có giá trị là 15.000.000 đồng anh D nhận hiện vật giao giá trị cho chị Trang bằng 7.500.000 đồng. Tổng cộng anh D phải hoàn lại cho chị Trang là 17.500.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền anh D được nhận là 33.000.000 đồng; Tổng số tiền chị Trang được nhận là 28.000.000 đồng. chị Trang không được chấp nhận số tiền là 2.500.000 đồng.

Đối trừ các khoản anh D và chị Trang được nhận thì anh D còn phải hoàn lại cho chị Trang số tiền 10.000.000 đồng.

[5] Về nợ chung: Chị Trang và anh D khai không có, không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình, án phí cấp dưỡng nuôi con, án phí chia tài sản chung chị Trang, anh D phải nộp theo quy định.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 9, 14, 15, 33, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ngọcj T.

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Huỳnh Thị Ngọc T và anh Huỳnh Thanh D là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Bảo Tr, sinh ngày 08/12/2002 cho anh Huỳnh Thanh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Giao cháu Huỳnh Thị Bảo N, sinh ngày 09/01/2010 cho chị Huỳnh Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh D, chị T không trực tiếp nuôi người con còn lại có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc anh Huỳnh Thanh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Huỳnh Thị Bảo N mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Ngọc đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản chung: Giao anh Huỳnh Thanh D sở hữu và sử dụng các tài sản sau: Căn nhà tọa lạc tại khóm 4, phường 4, thành phố Cà Mau có chiều ngang 4m, chiều dài 18m cùng toàn bộ vật dụng trong nhà và xe Future Neo (Trung Quốc) biển số 69N1-2862.

Giao chị Huỳnh Thị Ngọc T sở hữu và sử dụng xe Wave RSX biển số 69B1-095.58.

Buộc anh Huỳnh Thanh D có nghĩa vụ hoàn lại cho chị Huỳnh Thị Ngọc T số tiền chênh lệch là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày chị Trang có đơn yêu cầu thi hành án, anh D không tự nguyện thi hành các khoản tiền nêu trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Về nợ chung: Không xem xét.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung là phần đất tọa lạc tại khóm 4, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

3. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị Huỳnh Thị Ngọc T phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Án phí dân sự có giá ngạch chị T phải nộp 1.525.000 đồng (*Một triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Vào ngày 26/02/2020 và ngày 16/3/2020 chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 2.300.000đ theo các biên lai số 0001493 và 0001581 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ chị T được nhận lại số tiền 475.000 đồng (*Bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) khi bản án có hiệu lực. Anh Huỳnh Thanh D phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng - chưa nộp*) và án phí dân sự có giá ngạch số tiền 1.650.000 đồng (*Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng - chưa nộp*). Nộp tại Chi cục thi hành án thành phố Cà Mau khi bản án có hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị T, anh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Huyền Trân

